TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST Ngày: 16-8-2017 V/v: ly hôn giữa anh T và chị T	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuận

Bà Bùi Thị Kim Thủy

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Mai -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16-8-2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2017/TLST-HNGĐ ngày 16-3-2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-7-2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28-7-2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Hữu T - sinh năm: 1983, có mặt

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim T - sinh năm: 1983, vắng mặt

HKTT: khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 14-3-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2002, anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 12-9-2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung số tại tổ 1 khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, nên vợ chồng thường xuyên cải vã, không còn hạnh phúc. Vì vậy, vợ chồng ly thân từ tháng 5 năm 2010 cho đến nay. Nay, anh T yêu cầu ly hôn chị T.

Về nuôi con chung: Anh T và chị T có 02 người con chung là Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 15-5-2003 và Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 03-8-2007. Hiện các con đang ở với anh T, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho chị T và giấy triệu tập chị T đến Tòa án để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T nhưng chị T không đến và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh T, không có yêu cầu phản tố.

- Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 13-4-2017 tại khu phố P, thị trấn H, huyện, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nơi vợ chồng anh T và chị T cư trú, sinh sống, được biết quá trình chung sống vợ chồng không có cải vã với nhau, năm 2012 anh T bị tai nạn giao thông nên chị T bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

- Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 15-5-2003 và Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 03-8-2007 trình bày: Khi cha mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được sống chung với cha.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền

và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa sơ thẩm là không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[1]*Về tố tụng:*

- Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị Kim T chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND xã Long Mỹ, huyện Đất Đỏ. Nay, anh T yêu cầu ly hôn với chị T và tranh chấp về việc nuôi con nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nơi cư trú của chị T tại thị trấn H, huyện Đ nên TAND huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng chị T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[3]*Về nội dung*:

[3.1]*Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị Kim T chung sống với nhau vào năm 2002 và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 12-9-2003 (Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2003) là đúng quy định pháp luật. Do đó, xác định hôn nhân của anh T và chị T là hợp pháp. Anh T xin ly hôn với chị T vì nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét

xử xét thấy từ sau khi vụ án được thụ lý và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với chị T đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng chị T vẫn không đến Tòa. Điều này chứng tỏ chị T không có trách nhiệm đối với hôn nhân của mình, không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị T.

[3.2]*Về nuôi con chung*: Anh T và chị T có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 15-5-2003 và Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 03-8-2007. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi anh T và chị T sống ly thân thì anh T là người trực tiếp nuôi con. Mặc dù, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị T về con chung, nhưng xét thấy hiện các con đang do anh T nuôi dưỡng, điều kiện sinh hoạt, học tập của các cháu đã ổn định và cháu Y, cháu N cũng có nguyện vọng được sống chung với anh T nên giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3]*Về cấp dưỡng nuôi con:* Việc anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện của anh T và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.4]*Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]*Về án phí*: Anh T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Chị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; điển b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T.

2.Về nuôi con chung:

Giao con chung Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 15-5-2003 và Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 03-8-2007 cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4.Về án phí:

- Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003381 ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

- Chị Nguyễn Thị Kim T không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự,thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã M, huyện Đ,tỉnh BRVT;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung